

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08 tháng 10 năm 2019
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông RChâm Dương
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019, về việc “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Anh Đ; Địa chỉ nơi cư trú: Đội 5, Công ty 715, xã Ia Khai, huyện G, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Đội 5, Công ty 715, xã Ia Khai, huyện G, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Phạm Anh Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Anh Đ và chị Nguyễn Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13-10-2003, tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên chửi bới, xúc phạm lẫn nhau, đôi khi vợ chồng có đánh nhau. Đến tháng 5-2009, chị T bỏ nhà đi. Sau khi chị T bỏ đi thì anh Đ đã nhiều lần tìm kiếm nhưng vẫn không biết chị T hiện đang ở đâu. Đến ngày 18-3-2019, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 02/2019/QĐST-DS ngày 18-3-2019 về việc tuyên bố chị T mất tích. Từ thời điểm Tòa án tuyên bố chị T mất tích đến nay, anh Đ vẫn không thấy chị T quay về hoặc có thông tin về việc chị T đang ở đâu. Xét thấy mâu thuẫn vợ

chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh Phạm Anh Đ và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung là cháu Phạm Anh D, sinh ngày 09-9-2002, hiện cháu D đang sống cùng anh Đ. Anh Đ yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu D đến khi thành niên, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Anh Phạm Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Nguyễn Thị T đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng chị T đã mất tích. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của chị T.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Bản gốc đơn khởi kiện đề ngày 20-5-2019; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân của anh Phạm Anh Đ; Bản sao Sổ hộ khẩu của anh Phạm Anh Đ và chị Nguyễn Thị T; bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn của anh Phạm Anh Đ và chị Nguyễn Thị T; bản sao Giấy khai sinh của Phạm Anh D; bản sao Quyết định số 02/2019/QĐST-DS ngày 18-3-2019 của Tòa án nhân dân huyện G về việc tuyên bố chị Nguyễn Thị T mất tích; bản gốc Bản tự khai ngày 05-6-2019; bản gốc Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 10-6-2019; bản gốc Đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ gửi đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ cho đương sự khác ngày 05-6-2019; Bản gốc biên bản xác minh ngày 06-6-2019; bản gốc Biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 07-6-2019.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Anh Đ và chị Nguyễn Thị T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Khai, huyện G, tỉnh Gia Lai theo số 98, ngày 13-10-2003. Anh Phạm Anh Đ và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung anh Phạm Anh Đ và chị Nguyễn Thị T nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên chửi bới, xúc phạm lẫn nhau, đôi khi vợ chồng có đánh nhau. Đến tháng 5-2009, chị T bỏ nhà đi. Sau khi chị T bỏ đi thì anh Đ đã nhiều lần tìm kiếm nhưng vẫn không biết chị T hiện đang ở đâu. Đến ngày 18-3-2019, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 02/2019/QĐST-DS ngày 18-3-2019 về việc tuyên bố chị T mất tích. Từ thời điểm Tòa án tuyên bố chị T mất tích đến nay, anh Đức vẫn không thấy chị T quay về hoặc có thông tin về việc chị T đang ở đâu. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị T đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ.

[3] Về con chung: Anh Phạm Anh Đ và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung, là cháu Phạm Anh D, sinh ngày 09-9-2002, hiện cháu Dũng đang sống cùng với anh Đ. Anh Đ yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Dũng đến khi thành niên là phù hợp với nguyện vọng của cháu Dũng và chị T cũng đã mất tích nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Anh Đ không yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Phạm Anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Phạm Anh Đ là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Phạm Anh Đ và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung:

Giao con chung của anh Phạm Anh Đ và chị Nguyễn Thị T là cháu Phạm Anh D, sinh ngày 09-9-2002 cho anh Phạm Anh Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc anh Phạm Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005651, quyền số 000444 ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Anh Phạm Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính